



Số: 0301(7)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại Admin building
Ngày nhận mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : 2411005
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (26,8°C)	-	7,02	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị ^(A)	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	38,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	36,4	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(A)	µg/L	KPH	10,0	0,2	SMEWW 3500 Al B : 2023
10	Arsen (As) ^(A)	mg/L	0,0006	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
11	Florua (F ⁻) ^(A)	mg/L	KPH	0,030	1,5	MKL-HH177 Ref.TCVN 6494- 1:2011 SMEWW 4110:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(A)	mg/L	KPH	0,015	0,05	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023
13	Chì (Pb) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
14	Thủy ngân (Hg) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,001	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
15	Natri (Na) ^(A)	mg/L	369	0,200	200	SMEWW 3030E, 3111B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vilas 694)

^(t): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(7)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại văn phòng
Ngày nhận mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : 2411006
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (26,9°C)	-	6,98	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị ^(Δ)	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	32,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ^{+(b)}	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	34,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(Δ)	μg/L	KPH	10.0	0,2	SMEWW 3500 Al B : 2023
10	Arsen (As) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
11	Florua (F ⁻) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,030	1,5	MKL-HH177 Ref.TCVN 6494- 1:2011 SMEWW 4110:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	0,05	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023
13	Chì (Pb) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
14	Thủy ngân (Hg) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0003	0,001	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
15	Natri (Na) ^(Δ)	mg/L	88,4	0,200	200	SMEWW 3030E, 3111B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

⁽⁴⁾: Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vilas 694)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(7)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại LFS
Ngày nhận mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : 2411007
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (27,2°C)	-	6,97	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị ^(A)	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	40,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	37,6	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(A)	µg/L	KPH	10,0	0,2	SMEWW 3500 Al B : 2023
10	Arsen (As) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
11	Florua (F ⁻) ^(A)	mg/L	KPH	0,030	1,5	MKL-HH177 Ref.TCVN 6494- 1:2011 SMEWW 4110:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(A)	mg/L	KPH	0,015	0,05	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2023
13	Chì (Pb) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
14	Thủy ngân (Hg) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,001	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
15	Natri (Na) ^(A)	mg/L	98,2	0,200	200	SMEWW 3030E, 3111B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(d): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vilas 694)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(7)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống đóng bình tại văn phòng công ty
Ngày nhận mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : 2411008
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 06-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6187-1:2019
2	Liên cầu phân ^(A)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		ISO 7899-2:2000
3	Pseudomonas aeruginosa ^(A)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		ISO 16266:2006
4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sinh khử Sunphit (Clostridia) ^(A)	CFU/50mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		CVN 6191-2:1996 (ISO 6461- 2:1986)
5	E.Coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vilas 694)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

